

Số: 01 /BC-BKTNS

Phú Thái, ngày 22 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO THẨM TRA

Báo cáo, Dự thảo Nghị quyết. Về việc điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025

Kính gửi: Kỳ họp thứ hai (Kỳ họp chuyên đề) – Hội đồng Nhân dân xã Phú Thái, nhiệm kỳ 2026 – 2031.

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

- Căn cứ Tờ trình, Báo cáo và dự thảo Nghị quyết của UBND xã Về việc điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025.

- Thực hiện Kế hoạch số 01: KH-HĐND, ngày 17/4/2026 của HĐND xã Phú Thái, Nhiệm kỳ 2026-2031.

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã Phú Thái báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. Về Hồ sơ trình.

Hồ sơ gồm có:

- Báo cáo của UBND xã Về việc điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025.

- Tờ trình của UBND xã Về việc điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025.

- Dự thảo Nghị quyết của UBND xã Về việc điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025.

- Các biểu mẫu, phụ lục, danh mục kèm theo.

Hồ sơ được chuẩn bị cơ bản đầy đủ, đúng quy định, có kèm theo các bảng biểu chi tiết.

II. Nội dung điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025.

1. Các nội dung có sự điều chỉnh

1. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện đã được phê duyệt: 91 tỷ 541 triệu đồng. Trong đó thu khác ngân sách được phê duyệt 1 tỷ 529 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm thu khác ngân sách: 77 triệu đồng

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn sau điều chỉnh: 91 tỷ 464 triệu đồng. Trong đó thu khác ngân sách được phê duyệt: 1 tỷ 452 triệu đồng.

2. Về thu ngân sách xã.

Tổng thu ngân sách xã đã được phê duyệt 439 tỷ 633 triệu đồng. Trong đó: thu khác ngân sách: 1 tỷ 020 triệu đồng, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 93 tỷ 444 triệu đồng.

Điều chỉnh giảm thu khác ngân sách xã: 77 triệu đồng

Điều chỉnh giảm thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 133 triệu đồng.

Tổng thu ngân sách xã sau điều chỉnh: 439 tỷ 423 triệu đồng. Trong đó: Thu khác ngân sách xã: 943 triệu đồng, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 93 tỷ 311 triệu đồng.

3. Về chi ngân sách xã

Tổng chi ngân sách xã đã được phê duyệt: 439 tỷ 629 triệu đồng. Trong đó: Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 1 tỷ 423 triệu đồng, Chi chuyển nguồn sang năm sau 30 tỷ 607 triệu đồng.

Điều chỉnh giảm chi nộp trả ngân sách cấp trên: 314 triệu đồng

Điều chỉnh giảm chi chuyển nguồn sang năm sau: 77 triệu đồng

Tổng chi ngân sách xã sau điều chỉnh: 439 tỷ 238 triệu đồng. Trong đó: Chi nộp trả ngân sách cấp trên 1 tỷ 109 triệu đồng, chi chuyển nguồn sang năm sau: 30 tỷ 530 triệu đồng.

4. Về kết dư ngân sách.

Kết dư ngân sách năm 2025 đã được phê duyệt: 3,9 triệu đồng.

Điều chỉnh tăng kết dư ngân sách: 181 triệu đồng.

Kết dư ngân sách xã sau điều chỉnh: 185 triệu đồng.

II. Phê chuẩn Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 91.463.902.557 đồng

2. Tổng số thu ngân sách xã: 439.423.386.097 đồng

3. Chi ngân sách xã: 439.238.193.134 đồng

4. Kết dư ngân sách năm 2025: 185.192.963 đồng

5. Xử lý kết dư:

- Chuyển toàn bộ số kết dư ngân sách xã năm 2025: 185.192.963 triệu đồng vào thu ngân sách xã năm 2026.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

III. Ý kiến của Ban KT – NS HĐND xã.

Ban kinh tế ngân sách HĐND xã nhất trí với nội dung Báo cáo và dự thảo Nghị quyết của UBND xã Về việc điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025.

Trong quá trình thực hiện UBND xã thực hiện theo các trình tự thủ tục theo luật định, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trên đây là ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã đối với báo cáo Về việc điều chỉnh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách xã năm 2025 của UBND xã, trình HĐND xã xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Đại biểu tham dự kỳ họp;
- Lưu;

TM. BAN KINH TẾ- NGÂN SÁCH



TRƯỞNG BAN

Nguyễn Quý Cảnh

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kính theo Nghị quyết số: /NQ- HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Phú Thái)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																DỰ TOÁN TẠI QĐ 148 - TỔNG CHI NGÂN SÁCH SAU KHI TRỪ TIẾT KIỂM 10%	TRONG ĐÓ			CHỀNH LỆCH	TRONG ĐÓ			
			CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	CHI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN TRUYỀN THÔNG	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI QLHC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HĐND	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ ATXH	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC	DỰ PHÒNG		CHI ĐẦU TƯ	CHI THƯỜNG XUYÊN	DỰ PHÒNG		CHI ĐẦU TƯ	CHI THƯỜNG XUYÊN	DỰ PHÒNG	
											CHI GIAO THÔNG, KIẾN THIẾT THỊ CHÌNH	CHI NÔNG NGHIỆP															CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	TỔNG SỐ	314,306	169,757	390	5,990	3,881	410	465	3,989	83,124	76,901	1,815	4,408	36,289	38,242	3,201	2,941	1,305	6,163	314,337	45,904	262,270	6,163	(31)	-	(31)	-
A	Chi đầu tư	45,904	14,992	-	-	-	-	-	-	72,753	69,345	-	3,408	-	-	-	-	-	-	45,904	45,904	-	-	-	-	-	-
1	Phân bổ vốn chi tiết cho các dự án	41,841	7,496	-	-	-	-	-	-	34,345	32,641	-	1,704	-	-	-	-	-	-	41,841	41,841	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí Quy hoạch	1,704	-	-	-	-	-	-	-	1,704	-	-	1,704	-	-	-	-	-	-	1,704	1,704	-	-	-	-	-	-
1.2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư thôn Quỳnh Khê 2 (khu Mả thá cửa ông Ngừng)	1,015	-	-	-	-	-	-	-	1,015	1,015	-	-	-	-	-	-	-	-	1,015	1,015	-	-	-	-	-	-
1.3	Nâng cấp sửa chữa hệ thống phòng học và các phòng chức năng thuộc các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở	7,496	7,496	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,496	7,496	-	-	-	-	-	-
1.4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tại Xuân môn Lương Xá Bắc, xã Kim Liên, huyện Kim Thành (nay là thôn Lương Xá Bắc, xã Phú Thái, thành phố Hải Phòng)	6,400	-	-	-	-	-	-	-	6,400	6,400	-	-	-	-	-	-	-	-	6,400	6,400	-	-	-	-	-	-
1.5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Công Khê, xã Phú Thái (đoạn từ nhà Bà Mắc - Nhà văn hóa thôn nhà ông Thịnh)	7,912	-	-	-	-	-	-	-	7,912	7,912	-	-	-	-	-	-	-	-	7,912	7,912	-	-	-	-	-	-
1.6	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Xuân, xã Phú Thái	3,120	-	-	-	-	-	-	-	3,120	3,120	-	-	-	-	-	-	-	-	3,120	3,120	-	-	-	-	-	-
1.7	Cải tạo, nâng cấp phố Đồng Tâm đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường 20-9, xã Phú Thái	5,600	-	-	-	-	-	-	-	5,600	5,600	-	-	-	-	-	-	-	-	5,600	5,600	-	-	-	-	-	-
1.8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Văn Dương, xã Phú Thái thành phố Hải Phòng (đoạn từ nhà ông Nguyễn Xuân Kịch đến Công Gạch)	3,600	-	-	-	-	-	-	-	3,600	3,600	-	-	-	-	-	-	-	-	3,600	3,600	-	-	-	-	-	-
1.9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Lương Xá Nam, xã Phú Thái (đoạn từ nhà ông Lê Văn Phiêm đến cầu Đồng Mỹ)	4,994	-	-	-	-	-	-	-	4,994	4,994	-	-	-	-	-	-	-	-	4,994	4,994	-	-	-	-	-	-
2	Tiết kiệm 5% chi đầu tư	4,063	-	-	-	-	-	-	-	4,063	4,063	-	-	-	-	-	-	-	-	4,063	4,063	-	-	-	-	-	-
B	Chi thường xuyên	262,239	154,765	390	5,990	3,881	410	465	3,989	10,371	7,556	1,815	1,000	36,289	38,242	3,201	2,941	1,305	-	262,270	152,229	262,270	-	(31)	-	(31)	-
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	152,229	152,229	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	152,229	152,229	-	-	-	-	-	-
1	Sự nghiệp đào tạo	931	931	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	931	931	-	-	-	-	-	-
1.1	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	931	931	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	931	931	-	-	-	-	-	-
2	Khối giáo dục	151,298	151,298	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	151,298	151,298	-	-	-	-	-	-
2.1	Khối Mầm non	44,341	44,341	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	44,341	44,341	-	-	-	-	-	-
	Trường MN Kim Xuyên	11,799	11,799	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43,820	43,820	521	-	-	521	-	-
	Trường MN Phúc Thành	6,748	6,748	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,746	11,746	53	-	-	53	-	-
	Trường MN Kim Liên	11,017	11,017	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,658	6,658	90	-	-	90	-	-
	Trường MN Kim Anh	7,588	7,588	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,017	11,017	-	-	-	-	-	-
	Trường MN Phú Thái	7,189	7,189	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,588	7,588	-	-	-	-	-	-
2.2	Khối Tiểu học	50,742	50,742	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,811	6,811	378	-	-	378	-	-
	Trường TH Kim Xuyên	12,163	12,163	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,811	6,811	-	-	-	-	-	-
	Trường TH Phúc Thành	6,486	6,486	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,486	6,486	-	-	-	-	-	-
	Trường TH Kim Liên	13,206	13,206	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13,206	13,206	-	-	-	-	-	-
	Trường TH Kim Anh	10,412	10,412	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10,412	10,412	-	-	-	-	-	-
	Trường TH Phú Thái	8,475	8,475	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,475	8,475	-	-	-	-	-	-
2.3	Khối THCS	44,853	44,853	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	44,853	44,853	-	-	-	-	-	-
	Trường THCS Kim Xuyên	9,405	9,405	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,405	9,405	-	-	-	-	-	-
	Trường THCS Phúc Thành	5,414	5,414	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5,414	5,414	-	-	-	-	-	-
	Trường THCS Kim Liên	10,199	10,199	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10,199	10,199	-	-	-	-	-	-
	Trường THCS Kim Anh	8,711	8,711	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,540	8,540	171	-	-	171	-	-
	Trường THCS Phú Thái	11,123	11,123	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,293	11,293	(171)	-	-	(171)	-	-
2.4	Dự nguồn sự nghiệp giáo dục (kinh phí thực hiện khen thưởng, sửa chữa, chế độ chính sách)	11,363	11,363	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,884	11,884	(521)	-	-	(521)	-	-
II	Chi hoạt động quản lý hành chính	91,731	345	-	5,990	-	-	-	3,590	3,590	1,800	890	900	34,889	37,981	2,846	2,900	-	-	91,762	91,762	-	(31)	-	(31)	-	(31)
1	Văn phòng Đảng ủy	11,127	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,127	-	-	-	-	-	8,847	8,847	2,280	-	-	2,280	-	-
2	Quản lý nhà nước	74,706	345	-	5,990	-	-	-	3,590	3,590	1,800	890	900	17,864	37,981	2,846	2,900	-	-	74,737	74,737	(31)	-	-	(31)	-	-
2.1	Văn phòng HĐND và UBND xã	24,258	-	-	5,990	-	-	-	3,590	1,800	1,800	-	-	9,706	86	585	2,900	-	-	26,550	26,550	(2,292)	-	-	(2,292)	-	-
2.2	Trung tâm phục vụ hành chính công	1,571	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,571	-	-	-	-	-	1,571	1,571	-	-	-	-	-	-
2.3	Phòng Văn hóa - Xã hội	41,592	295	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,422	37,875	-	-	-	-	41,592	41,592	-	-	-	-	-	-

2.4	Phòng Kinh tế	5,025	50						1,790		890	900	3,165	19				5,025		5,025	-	-	-
3	Ủy ban MTTQ và các đoàn thể	4,788											4,788					4,788		4,788	-	-	-
4	Ban chỉ huy quân sự xã	2,292											31		2,261			-		-	2,292		2,292
5	Dự nguồn khối quân lý nhà nước (KP hợp đồng theo ND173, đặc thù...)	1,110											1,110					3,390		3,390	(2,280)		(2,280)
III	Dự nguồn sự nghiệp kinh tế	5,181							5,181	5,000	180							5,181		5,181	-	-	-
IV	Dự nguồn SN quốc phòng (KP đặc thù)	300														300		300		300	-	-	-
V	Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (thủy lợi phí ngoài lưu vực)	8							8		8							8		8	-	-	-
VI	Dự nguồn sự nghiệp KHCHN	357		357														357		357	-	-	-
VII	Dự nguồn kinh phí BDXH (đặc thù)	200												200				200		200	-	-	-
VIII	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công	2,826				1,380	369	419	588		588							2,826		2,826	-	-	-
IX	Dự nguồn sự nghiệp VHMTT (Kinh phí sửa chữa + đặc thù)	2,180				2,180												2,180		2,180	-	-	-
X	Dự nguồn sự nghiệp y tế	279				279												279		279	-	-	-
XI	Chi khác ngân sách	1,305															1,305		1,305		-	-	-
XII	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	5,644	2,191	33	121	321	41	47	399	1,005	756	149	100	1,330	61	55	41	5,644		5,644	-	-	-
C	Dự phòng ngân sách xã	6,163																6,163		6,163	6,163	-	-

